

SỞ Y TẾ HÀ NỘI
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 475 /KSBT - SKMT&YTTH
V/v: Điều tra cơ bản VSHĐ năm 2019

Hà Nội, ngày 19 tháng 02 năm 2019

Kính gửi: Trung tâm Y tế các quận, huyện, thị xã.

Thực hiện kế hoạch số 162/KH-UBND ngày 17/8/2018 của UBND thành phố Hà Nội về việc triển khai công tác Y tế học đường năm học 2018 - 2019 trên địa bàn thành phố Hà Nội; Kế hoạch liên ngành số 3937/KHLN/YT-GDDĐT ngày 07/9/2018 của Sở Y tế và Sở Giáo dục Đào tạo Hà Nội về việc thực hiện công tác Y tế học đường năm học 2018 - 2019; Kế hoạch số 281/KH-KSBT ngày 24/1/2019 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hà Nội về hoạt động công tác Vệ sinh học đường trên địa bàn Hà Nội năm 2019; Để thu thập một số thông tin cơ bản về y tế học đường trong các trường học năm 2019, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hà Nội đề nghị Trung tâm Y tế các quận, huyện, thị xã triển khai công tác điều tra cơ bản vệ sinh học đường năm 2019. Cụ thể như sau:

1. Nội dung điều tra

- Điều tra vệ sinh học đường, vệ sinh môi trường tại các trường học.
- Mẫu điều tra: Mẫu M1, M2, M3, M4 (có hướng dẫn điều tra kèm theo)

2. Địa điểm: Toàn bộ các trường từ Mẫu giáo Mầm non đến Trung học phổ thông trên địa bàn (các trường công lập và ngoài công lập).

3. Thời gian thực hiện

- Thời gian điều tra: Tháng 2 - 5/2019.
- Số liệu điều tra tập hợp theo mẫu và gửi về Khoa Sức khỏe môi trường - Y tế trường học, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hà Nội trước ngày 6/6/2019.

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hà Nội đề nghị Trung tâm Y tế các quận, huyện, thị xã triển khai tốt công tác điều tra cơ bản vệ sinh học đường theo đúng kế hoạch, tiến độ và đảm bảo chất lượng.

Địa chỉ liên hệ: Khoa Sức khỏe môi trường - Y tế trường học

ĐT:(024)37.730.176. Email: ytdphanoi@gmail.com.

Nơi nhận:

- Như trên; (để th/hiện)
- GD TTKSBT TPHN; (để b/c)
- Lưu VT, Khoa SKMT-YTTH.



Nguyễn Thị Kiều Anh



MẪU ĐIỀU TRA CƠ BẢN VỆ SINH HỌC ĐƯỜNG CÁC TRƯỜNG HỌC NĂM 2019

Khối trường:.....

TT	Tên trường	THÔNG TIN CHUNG											
		Trường đạt chuẩn quốc gia	Ban Chỉ đạo Y tế học đường		Tổng số học sinh	Tổng số lớp học	Tổng số phòng học	Tổng số cán bộ giáo viên	Tổ chức ăn bán trú cho học		Hình thức tổ chức ăn bán trú		Số học sinh ăn bán trú
			Có	Không					Có	Không	Bếp nấu tại nhà trường	Hợp đồng với đơn vị cung cấp suất ăn	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
1													
2													
3													
4													
5													
6													
7													
8													
9													
10													
11													
12													
13													
14													
15													
	Tổng												

GIÁM ĐỐC

Hà Nội, ngày tháng năm 2019

Người tổng hợp

SỞ Y TẾ HÀ NỘI
TRUNG TÂM Y TẾ.....

MẪU ĐIỀU TRA CƠ BẢN VỀ SINH HỌC ĐƯỜNG CÁC TRƯỜNG HỌC NĂM 2019

Khối trường:.....

TT	Tên trường	Y tế											
		Diện tích phòng y tế		Cán bộ y tế		Trình độ chuyên môn của cán bộ y tế							
		Phòng Y tế (m2)	Góc sức khỏe	Có	Không	Bác sỹ	Y sỹ	Y tá (Điều dưỡng trung cấp)	Dược sỹ	Nữ hộ sinh	Kiểm nhiệm (ghi rõ)	Khác (ghi rõ)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	
1													
2													
3													
4													
5													
6													
7													
8													
9													
10													
11													
12													
13													
14													
15													
	Tổng												

Hà Nội, ngày tháng năm 2019

GIÁM ĐỐC

Người tổng hợp

MẪU ĐIỀU TRA CƠ BẢN VỆ SINH MÔI TRƯỜNG CÁC TRƯỜNG HỌC NĂM 2019

Khối trường:.....

TT	Tên trường	Nguồn nước														Nước uống			
		Nguồn nước sinh hoạt							Nguồn nước chế biến thực phẩm							Đun sôi	Máy lọc	Nước đóng bình	
		Nước máy, nước TCN tập trung	Giếng khoan		Giếng khơi		Nước mưa		Nước tinh lọc	Nước máy, nước TCN tập trung	Giếng khoan		Giếng khơi		Nước mưa				
Có lọc	Không lọc		Có lọc	Không lọc	Có lọc	Không lọc	Có lọc	Không lọc			Có lọc	Không lọc	Có lọc	Không lọc	Có lọc	Không lọc			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
1																			
2																			
3																			
4																			
5																			
6																			
7																			
8																			
9																			
10																			
11																			
12																			
13																			
14																			
15																			
	Tổng																		

GIÁM ĐỐC

Hà Nội, ngày tháng năm 2019

Người tổng hợp



MẪU ĐIỀU TRA CƠ BẢN VỆ SINH MÔI TRƯỜNG CÁC TRƯỜNG HỌC NĂM 2019

Khối trường:.....

TT	Tên trường	Xét nghiệm nguồn nước				Vòi nước rửa tay cho học sinh		Nhà tiêu		Loại nhà tiêu giáo viên					Loại nhà tiêu học sinh					Xử lý rác	
		Lý, hóa		Vi sinh vật		Số lượng	Số sử dụng được	GV, HS riêng	GV, HS sử dụng chung	Tự hoại, Bán tự hoại	Thẩm dội nước	Hai ngăn	Một ngăn	Loại khác (ghi rõ)	Tự hoại, Bán tự hoại	Thẩm dội nước	Hai ngăn	Một ngăn	Loại khác (ghi rõ)	Vận chuyển	Chôn đốt
		Có	Không	Có	Không																
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
1																					
2																					
3																					
4																					
5																					
6																					
7																					
8																					
9																					
10																					
11																					
12																					
13																					
14																					
15																					
	Tổng																				

GIÁM ĐỐC

Hà Nội, ngày tháng năm 2019
Người tổng hợp

HƯỚNG DẪN
ĐIỀU TRA CƠ BẢN VỀ SINH HỌC ĐƯỜNG NĂM 2019
CÁC TRƯỜNG TỪ MẪU GIÁO – MẦM NON ĐẾN TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
(Kèm theo công văn số 475/KSBT-SKMT&YTTH ngày 19 tháng 02 năm 2019)

- Mẫu điều tra cơ bản sử dụng cho tất cả các trường công lập và ngoài công lập:
 - + Trường Mẫu giáo - Mầm non (cả nhóm lớp);
 - + Trường Tiểu học;
 - + Trường Trung học cơ sở;
 - + Trường Trung học phổ thông;
 - + Trường Chung cấp, liên cấp.
- Tổng hợp số liệu từng khối trường; công lập, dân lập riêng.

I. Mẫu điều tra cơ bản về sinh học đường

Mẫu 1:

- Cột 1: Ghi số thứ tự trường.
- Cột 2: Tên trường: ghi cụ thể tên từng trường.
- Cột 3: Trường đạt chuẩn quốc gia: ghi năm được ngành Giáo dục công nhận chuẩn quốc gia.
Trường chưa đạt chuẩn: ghi không
- Cột 4 + 5: Ban Chỉ đạo Y tế học đường hoặc Ban Chăm sóc sức khỏe: đánh dấu “x” vào cột tương ứng.
- Cột 6: Tổng số học sinh: ghi số lượng học sinh toàn trường tại thời điểm điều tra.
- Cột 7: Tổng số lớp học: ghi số lượng lớp học của nhà trường theo số học sinh.
- Cột 8: Tổng số phòng học: ghi số lượng tất cả các phòng sử dụng cho việc học tập trong nhà trường (không bao gồm các phòng học chức năng).
- Cột 9: Tổng số cán bộ, giáo viên: ghi số lượng cán bộ, giáo viên, nhân viên đang làm việc trong nhà trường.
- Cột 10 - 11: Tổ chức ăn bán trú cho học sinh: đánh dấu “ x” vào cột tương ứng.

- Cột 12: Bếp nấu tại trường (bếp do nhân viên nhà trường nấu hoặc hợp đồng với đơn vị khác đến nấu tại trường): Ghi tổng số bếp nấu của tất cả các cơ sở của trường.

- Cột 13: Hợp đồng với đơn vị cung cấp suất ăn sẵn: Nhà trường không tổ chức nấu ăn tại trường mà hợp đồng với đơn vị cung cấp suất ăn sẵn cho học sinh (nấu ở nơi khác vận chuyển đến trường): đánh dấu “x” vào cột tương ứng.

- Cột 14: Số học sinh ăn bán trú tại trường: ghi tổng số học sinh đăng ký ăn bán trú tại trường.

Mẫu 2

- Cột 1: Ghi số thứ tự trường.

- Cột 2: Tên trường: ghi cụ thể tên từng trường.

Lưu ý: Cột 1,2 : ghi số thứ tự và tên trường trùng với mẫu 1

- Cột 3: Phòng Y tế: Tính phòng y tế riêng biệt; Ghi diện tích phòng y tế của nhà trường tính theo đơn vị m², nếu không có phòng Y tế ghi “không”

- Cột 4: Góc sức khỏe: bố trí chung với các phòng chuyên môn khác (phòng thư viện, đoàn đội, hội đồng...). Đánh dấu “x” nếu trường có góc Y tế

- Cột 5 + 6: Cán bộ y tế nhà trường: đánh dấu “x” vào cột tương ứng

- Từ cột 7 - 13: Trình độ chuyên môn của cán bộ y tế nhà trường: (đánh dấu trình độ cán bộ y tế vào các cột tương ứng nếu trường có từ 2 cán bộ y tế trở lên) không ghi số cán bộ y tế vào cột tương ứng

II. Mẫu điều tra cơ bản vệ sinh môi trường

Mẫu 3:

- Cột 1: Ghi số thứ tự trường.

- Cột 2: Tên trường: ghi tên cụ thể từng trường.

Lưu ý: Cột 1,2 : ghi số thứ tự và tên trường trùng với mẫu 1

- Từ cột 3 - 9: Nguồn nước sinh hoạt: đánh dấu “x” vào cột tương ứng với nguồn nước chính mà nhà trường sử dụng cho các hoạt động chung trong nhà trường.

Cột 3: nguồn nước máy, nước trạm cấp nước tập trung là nguồn nước do các nhà máy nước hoặc các trạm cấp nước cung cấp cho nhà trường.

Cột 4, 6, 8: tính nguồn nước giếng khoan, giếng khơi (giếng đào), nước mưa có lọc qua cát, sỏi, than...(không tính nước lọc qua thiết bị máy lọc).

- Từ cột 10 - 17: Nguồn nước chế biến thực phẩm: đánh dấu “x” vào cột tương ứng với nguồn nước chính mà nhà trường sử dụng cho việc sơ chế, chế biến thực phẩm và nấu ăn chung trong nhà trường.

- Từ cột 18 - 20: Nước uống cho học sinh: đánh dấu “x” vào cột tương ứng với loại nước mà nhà trường đang sử dụng cho học sinh uống.

Đối với nguồn nước uống qua máy lọc: Tính các thiết bị máy lọc cho nước uống trực tiếp

Mẫu 4:

- Cột 1: Ghi số thứ tự trường.

- Cột 2: Tên trường: ghi tên cụ thể từng trường.

Lưu ý: Cột 1,2 : ghi số thứ tự và tên trường trùng với mẫu 1

- Từ cột 3 - 6: Xét nghiệm nguồn nước: đánh dấu các chỉ tiêu xét nghiệm lý, hóa, vi sinh vật ghi rõ thời gian xét nghiệm, đơn vị xét nghiệm vào cột tương ứng mà nhà trường đã xét nghiệm (xét nghiệm trong vòng một năm tính đến thời điểm điều tra).

Đối với những trường không thực hiện chế độ xét nghiệm nguồn nước hoặc thời điểm xét nghiệm đã quá 1 năm kể từ ngày xét nghiệm, đánh dấu “x” vào cột tương ứng.

- Từ cột 7 - 8: Vòi nước rửa tay cho học sinh: ghi tổng số vòi nước nhà trường đang có và số vòi nước hiện đang sử dụng được cho học sinh rửa tay (Vòi không bị hỏng, có nước sử dụng được).

- Từ cột 9 - 10: Nhà tiêu của giáo viên, học sinh: đánh dấu “x” vào cột tương ứng (trường hợp giáo viên và học sinh dùng chung nhà vệ sinh: Đánh dấu “x” vào cột tương ứng).

- Từ cột 11 - 20: Các loại nhà tiêu: đánh dấu “x” vào cột tương ứng với loại nhà tiêu mà giáo viên/học sinh nhà trường đang sử dụng.

+ Nhà tiêu tự hoại: là nhà tiêu dùng nước để dội sau mỗi lần sử dụng, bể chứa và xử lý phân có 3 ngăn kín, nước thải không thấm ra bên ngoài, phân và nước tiểu được lưu giữ trong bể chứa và được xử lý trong môi trường nước.

+ Nhà tiêu bán tự hoại: là nhà tiêu dùng nước để dội sau mỗi lần sử dụng, bể chứa và xử lý phân có 2 ngăn kín, nước thải không thấm ra bên ngoài, phân và nước tiểu được lưu giữ trong bể chứa và được xử lý trong môi trường nước.

+ Nhà tiêu thấm dội nước: là nhà tiêu dùng nước để dội sau mỗi lần sử dụng; phân và nước trong bể chứa có kẽ hở được thấm dần vào đất.

+ Nhà tiêu hai ngăn là nhà tiêu **không sử dụng nước để dội sau mỗi lần đi tiêu**, có hai ngăn để luân phiên sử dụng và ủ phân (một ngăn để sử dụng và một ngăn để ủ).

+ Nhà tiêu một ngăn là loại nhà tiêu **không sử dụng nước để dội sau mỗi lần đi tiêu**, chỉ có một ngăn chứa và ủ phân.

- Cột 21 - 22 : Xử lý rác:

Đánh dấu “x” vào cột tương ứng với loại hình thu gom rác chủ yếu mà nhà trường đang thực hiện.

